

Bản án số: 263/2024/DS-PT
Ngày: 19-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Rẻn;

Ông Huỳnh Ngọc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLPT-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 140/2023/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 492/2023/QĐXXPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Đặng Hoàng T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2024):

Ông Phạm Quang H, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên hệ: Công ty L1, đường N, khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Ông Phan Hữu L, sinh năm 1973; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1981; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Ông Phan Hữu L là bị đơn, bà Nguyễn Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông T và vợ chồng ông L, bà T1 do quen biết trong quan hệ làm ăn với nhau nên vào tháng 12 năm 2022, ông T có cho ông L và bà T1 vay tiền 04 lần. Tổng cộng số tiền vay là 1.500.000.000 đồng, mục đích vay tiền để đầu tư vào ghe cào. Ông L cam kết khi ông T có nhu cầu cần tiền làm ăn thì sẽ trả lại tiền cho ông T. Cụ thể bốn lần vay tiền như sau:

Lần 1: Ngày 06/12/2022 ông L và bà T1 vay số tiền: 500.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 16/12/2022 ông L và bà T1 vay số tiền: 500.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 25/12/2022 ông L và bà T1 vay số tiền: 350.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 26/12/2022 ông L và bà T1 vay số tiền: 150.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền bốn lần thì hai bên thống nhất tổng số nợ và lập giấy biên nhận vay tiền đề ngày 01/01/2023 do chính tay ông L ký tên xác nhận.

Đến khi ông T có nhu cầu làm ăn cần lấy lại số tiền cho ông L, bà T1 vay thì ông L và bà T1 hứa hẹn nhiều lần nhưng không trả cho ông T như đã thỏa thuận.

Vì vậy, ông T yêu cầu vợ chồng ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền đã vay là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng). Ông không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Hữu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Ông L và bà T1 thừa nhận có vay tiền và còn nợ ông Đặng Hoàng T số tiền là 1.500.000.000 đồng. Ông L và bà T1 xác nhận Giấy nhận nợ ngày 01/01/2023 là đúng chữ ký của ông L.

Ông L và bà T1 đồng ý trả tiền gốc cho ông T, nhưng cần có thời gian để bán tài sản trả nợ.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2023/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tuyên:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng T với ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Hoàng T tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Hoàng T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/12/2023, bị đơn ông Phan Hữu L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Theo nội dung kháng cáo, ông L, bà T1 yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, bà T1 vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng

cáo của ông L, bà T1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2023/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Phan Hữu L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông Đặng Hoàng T khởi kiện yêu cầu ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông tổng số tiền gốc đã vay là 1.500.000.000 đồng, ông T không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông L đồng ý trả số tiền gốc 1.500.000.000 đồng cho ông T, nhưng do hiện tại không còn khả năng thanh toán ngay nên ông L xin thời gian để rao bán tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T1 không đồng ý liên đới với ông L trả tiền cho ông T.

[2.1] Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà T1 đều thừa nhận chữ ký trong Giấy nhận nợ đề ngày 01/01/2023 là chữ ký của ông L. Đồng thời ông L cũng thừa nhận còn nợ ông T tổng số tiền vay gốc là 1.500.000.000 đồng và

đồng ý trả cho ông T số tiền này. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông L phải trả cho ông T số tiền đã vay tổng cộng 1.500.000.000 đồng là có căn cứ.

Ghi nhận ông T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông L vay 1.500.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của ông T về việc yêu cầu ông L, bà T1 liên đới trả tiền, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông L và bà T1 là vợ chồng hợp pháp, thời gian diễn ra giao dịch vay tiền thì ông L và bà T1 vẫn sống chung nhà. Đối với việc bà T1 cho rằng: Việc mượn tiền giữa ông T với ông L là việc mượn tiền cá nhân của ông L, bà T1 không biết về việc mượn này và ông L cũng không sử dụng số tiền mượn để phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung cho gia đình hay cùng nhau phát triển kinh tế do ông L và bà T1 sử dụng độc lập tài chính không sử dụng tiền chung. Tuy nhiên bà T1 không có gì chứng minh cho lời trình bày này, hơn nữa giữa ông L và bà T1 cũng không có thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản chung hay tách bạch làm ăn kinh tế riêng, độc lập với nhau.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản ngày 31/10/2023 và biên bản hoà giải ngày 31/10/2023, ông L, bà T1 thừa nhận: *“chúng tôi có vay tiền và còn nợ anh T tổng số tiền vốn 1.500.000.000 đồng”*.

Do đó, căn cứ quy định tại các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần buộc bà T1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông L trả nợ cho ông T.

Từ những phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ.

Ông L, bà T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông L, bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Hữu L, bà Nguyễn Thị T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2023/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng T với ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Hoàng T tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Ghi nhận ông Đặng Hoàng T không yêu cầu tính lãi của số tiền nêu trên.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phan Hữu L và bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới chịu 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng).

Ông Đặng Hoàng T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.500.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007486 ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Hữu L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000716 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000718 ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Bà T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi CTHADS huyện Bình Đại;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu T2